ẢNH HƯỞNG CỦA THỨC ĂN HỖN HỢP LÚA VÀ TRÙN QUẾ ĐẾN CHỈ TIÊU THÂN THỊT GÀ TA GÒ CÔNG

Quách Thị Thanh Tâm[1*], Võ Thị Ngọc Bích[1], Trần Đức Tường[2], Bùi Thị Minh Diệu[3]

TÓM TẮT

Thí nghiệm thực hiện trên gà ta Gò Công 5 đến 14 tuần tuổi với 5 nghiệm thức (NT): NT đối chứng (ĐC) là 100% thức ăn hỗn hợp tự phối trộn; 3 NT gồm lúa và trùn quế với các mức độ trùn quế lần lượt là 20% (TQ20); 25% (TQ25); 30% (TQ30) và NT 100% lúa (LUA). Lúc 14 tuần tuổi khối lượng gà đạt cao nhất ở NT ĐC (1.299,4 g/con) và NT TQ25 (1.271,2 g/con); thấp nhất ở NT LUA (966,0 g/con) (P<0,05). Khối lượng móc lòng tương đương giữa các NTĐC, TQ20, TQ25 và cao hơn NT LUA (P<0,05). Tỷ lệ ức, tỷ lệ thịt ức, tỷ lệ đùi tốt nhất và tương đương ở các NT ĐC, TQ20, TQ25 và TQ 30, thấp nhất ở NT LUA. Tỷ lệ thịt đùi ở NT TQ25 (25,89%) tốt nhất và thấp nhất ở NT LUA (23,11%). Các chỉ tiêu sâu ức và dài ức tốt nhất ở NT TQ25 (lần lượt là 9,95 cm và 10,38 cm) và thấp nhất ở NT LUA. Như vậy, khẩu phần với 25% trùn quế và 75% lúa cho kết quả các chỉ tiêu thân thịt tốt, có thể được xem là thích hợp để nuôi gà ta Gò Công nói riêng, nuôi gà thả vườn nói chung.

Từ khóa: *Chỉ tiêu thân thịt, gà ta Gò Công, khối lượng móc lòng, trùn quế.*

1. MỞ ĐẦU

Chăn nuôi gà chiếm một vị trí quan trọng trong ngành chăn nuôi Việt Nam, tăng trưởng bình quân ước khoảng 8%/năm. Tuy nhiên, người nuôi gà thả vườn ở đồng bằng sông Cửu Long vẫn đang sử dụng thức ăn hỗn hợp mà chưa tận dụng hết tiềm năng của các phụ phế phẩm sẵn có tại địa phương để phối hợp khẩu phần thức ăn nhằm cải thiện khả năng sinh trưởng của gà và tăng lợi nhuận chăn nuôi. Bên cạnh lúa là nguồn nguyên liệu dồi dào ở đồng bằng sông Cửu Long, trùn quế cũng là nguồn thức ăn cung cấp đạm rất tốt cho động vật [10], do chúng chứa một lượng lớn protein, axít amin… [1] đáp ứng được nhu cầu dinh dưỡng, cho vật nuôi phát triển nhanh. Trùn quế dễ nuôi, sinh sản nhanh [2]. Đặc biệt trùn quế còn có thể được nuôi bằng rác thải từ nhà bếp (rau củ, vỏ trái cây, thức ăn thừa…), giúp tận dụng và giảm thiểu đáng kể nguồn rác thải ra môi trường [2]. Các hộ nuôi gà thả vườn đã và đang có xu hướng tận dụng lúa, trùn quế làm thức ăn cho gà. Tuy nhiên, việc sử dụng loại thức ăn này có hiệu quả trên thực tế nhưng chưa được quan tâm khảo sát, đánh giá một cách khoa học để có khuyến cáo cụ thể cho người chăn nuôi. Vì thế, nghiên cứu *"Ảnh hưởng lúa và trùn quế đến chỉ tiêu thân thịt gà ta Gò Công"* kỳ vọng không những mang lại sản phẩm gà sạch có giá trị cao mà còn xử lý hiệu quả những rác thải từ nhà bếp,… từ đó tạo được phân trùn quế sạch, hữu ích cho cây trồng, góp phần bảo vệ môi trường, tạo việc làm và nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân địa phương.

2. VẬT LIỆU VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Nghiên cứu được thực hiện tại hộ chăn nuôi gà thả vườn ở ấp Thanh Mỹ, xã Thanh Đức, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

2.1. Vật liệu thí nghiệm

2.1.1. Chuồng trại và động vật thí nghiệm

Chuồng được thiết kế theo hướng Đông Nam, với kích thước (4 x 20 m), được ngăn thành 25 ô với diện tích mỗi ô là 4 m^2, thả 5 gà mái và 5 gà trống. Trong chuồng nuôi có làm giàn đậu (cừ tràm) cho gà ngủ, giữa các ô được ngăn cách với nhau bằng lưới cao. Ban ngày gà được thả ra vườn, tối nhốt vào chuồng. Máng ăn và máng uống được bố trí như nhau ở mỗi ô để gà được ăn uống tự do. Thí nghiệm được thực hiện trên 250 gà ta Gò Công, có khối lượng trung bình 1 ngày tuổi là 32 g.

Gà ta Gò Công là giống gà nổi tiếng ở thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang, Việt Nam được ông Nguyễn Quốc Kiệt (sinh năm 1952) cho lai tạo giống gà ta lông vàng x gà chọi x giống gà ngoại Rode Island Red để tạo ra dòng gà ta Gò Công có chất lượng thịt

[1] Bộ môn Thú y, Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vĩnh Long
[2] Trường Đại học Đồng Tháp
[3] Trường Đại học Cần Thơ
*Email: quachtamduy@gmail.com

ngon, có sức chống chịu bệnh tật tốt, phù hợp với điều kiện đặc thù vùng đất nhiễm mặn Gò Công. Giống gà ta Gò Công đã được Cục Sở hữu Trí tuệ cấp giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu độc quyền ngày 31/3/2011.

2.1.2. Thức ăn thí nghiệm

Thức ăn nuôi gà gồm thức ăn hỗn hợp tự phối trộn, lúa và trùn quế tươi. Lúa được chọn cùng giống OM4900 và trùn quế được tự nuôi bằng rác thải nhà bếp (rau củ, vỏ trái cây, thức ăn thừa…). Thành phần hóa học và giá trị dinh dưỡng của các thực liệu được trình bày trong bảng 1.

Bảng 1. Thành phần hóa học của các thực liệu dùng trong thí nghiệm

Thực liệu	DM	CP	TRO	EE	CF	Ca	P	ME, kcal/kg	Lys	Met
Bắp	86,72	8,41	3,37	2,55	0,84	0,36	0,31	3218	0,26	0,18
Tấm	86,43	7,88	0,27	1,38	0,42	0,42	0,39	2865	0,43	0,22
Cám	88,72	14,43	17,71	5,83	1,15	0,57	1,69	3025	0,59	0,56
Bánh dầu nành	89,14	44,7	1,75	3,79	3,01	0,36	0,38	2213	2,61	0,59
Bột cá	90,19	54,77	13,05	0,3	2,52	5,91	1,82	3018	2,52	1,23
Trùn quế	83,6	18,2	0,6	1,6	0,9	0,44	1,59	3012	0,66	0,71
Lúa	86,7	10,4	2,9	2,2	8,6	0,1	0,23	2638	0,53	0,46
Dicalci Phosphat	97,75	0	0	0	0	23,96	8,78	0	0	0
L-Lysine HCl	100	0	0	0	0	0	0	0	79	0
DL-Methionine	100	0	0	0	0	0	0	0	0	98
Muối ăn	100	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Premix vitamin	100	0	0	0	0	0	0	0	0	0

Ghi chú: DM: vật chất khô, CP: protein thô, EE: béo thô; CF: xơ thô, Lys: Lysine, Met: Methionine. ME: năng lượng trao đổi được tính theo Jansen (1989) trích dẫn từ NRC (1994).

2.2. Phương pháp thí nghiệm

Gà thí nghiệm được nuôi theo quy trình gồm 2 giai đoạn:

Giai đoạn 1 (úm): từ 1 đến 28 ngày tuổi, tất cả gà đều được cho ăn cùng một loại thức ăn khởi động của Proconco, chứa 20% CP và ME là 2.850 kcal/kg. Sau đó, gà được tập chuyển dần cho ăn thức ăn thí nghiệm khoảng 10 ngày để gà thích nghi thức ăn.

Giai đoạn 2 (thí nghiệm): Thức ăn thí nghiệm được áp dụng cho gà giai đoạn 5-14 tuần tuổi (Bảng 2).

Công thức các nghiệm thức (NT) thí nghiệm:

NT 1: 100% thức ăn hỗn hợp (ĐC).

NT 2: 80% lúa + 20% trùn quế (TQ20).

NT 3: 75% lúa + 25% trùn quế (TQ25).

NT 4: 70% lúa + 30% trùn quế (TQ30).

NT 5: 100% lúa (LÚA).

Bảng 2. Công thức phối hợp, thành phần hóa học và giá trị dinh dưỡng của các khẩu phần thí nghiệm cho gà 5 - 14 tuần tuổi

Thành phần (%)	ĐC	TQ 20	TQ 25	TQ 30	LÚA
Bắp	68,5	0	0	0	0
Tấm	11,5	0	0	0	0
Cám	0,3	0	0	0	0
Bánh dầu nành	12,8	0	0	0	0
Bột cá	5	0	0	0	0
Trùn quế	0	20	25	30	0
Lúa	0	80	75	70	100
Dicalci Phosphat	0,5	0	0	0	0
L-Lysine HCl	0,3	0	0	0	0
DL-Methionine	0,35	0	0	0	0
Muối ăn	0,2	0	0	0	0

Premix vitamin	0,55	0	0	0	0
Tổng cộng	**100**	**100**	**100**	**100**	**100**
Protein thô	15	12	13	13	10
Tro	3,27	2,33	2,26	2,21	2,9
Béo thô	2,42	2,05	2,03	2,02	2,2
Xơ thô	1,14	6,68	6,44	6,29	8,6
Canxi	0,76	0,19	0,20	0,20	0,1
Photpho	0,45	0,57	0,61	0,64	0,23
Lysine	0,93	0,56	0,57	0,57	0,53
Methionine	0,63	0,52	0,53	0,54	0,46
ME(Kcal/kg)	2977	2732	2743	2750	2638

Ghi chú: CP: protein thô, EE: béo thô; CF: xơ thô, Lys: Lysine, Met: Methionine. ME: năng lượng trao đổi được tính theo Jansen (1989) trích dẫn từ NRC (1994)

Bố trí thí nghiệm: Thí nghiệm được bố trí theo thể thức hoàn toàn ngẫu nhiên với 5 NT tương ứng với 5 khẩu phần thí nghiệm, lặp lại 5 lần. Mỗi đơn vị thí nghiệm là một ô chuồng nuôi 10 gà (5 trống + 5 mái), tổng cộng 250 gà.

Chăm sóc nuôi dưỡng: Tất cả gà thí nghiệm được chăm sóc với điều kiện như nhau. Mỗi sáng thu dọn máng ăn, cân lượng thức ăn thừa trong máng và cho gà ăn thức ăn mới, thức ăn và nước uống luôn đảm bảo có đủ trong máng. Gà được chiếu sáng bằng đèn compact treo dọc theo chuồng nuôi, mỗi bóng đèn được đặt cách nhau 6 m.

Tất cả gà đều được tiêm phòng theo khuyến cáo của Chi cục Chăn nuôi và Thú y Vĩnh Long.

Chỉ tiêu theo dõi: Khối lượng gà, tăng trọng, tiêu tốn thức ăn, hệ số chuyển hóa thức ăn (HSCHTA), tỷ lệ móc lòng, tỷ lệ ức, tỷ lệ thịt ức, tỷ lệ đùi, tỷ lệ thịt đùi, tỷ lệ nuôi sống.

2.3. Phân tích số liệu thí nghiệm

Số liệu thô được xử lý sơ bộ bằng chương trình Excel, sau đó phân tích phương sai bằng mô hình tuyến tính tổng quát GML (General Linear Model) của chương trình Minitab 16.0, khi F tính chỉ ra sự khác biệt thì tiến hành so sánh cặp bằng phép thử Tukey ở mức ý nghĩa 5%.

3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Kết quả khảo sát chỉ tiêu thân thịt

Kết quả ở bảng 3 cho thấy bổ sung trùn quế vào khẩu phần có ảnh hưởng đến khối lượng sống, tỷ lệ ức và thịt ức, đùi và tỷ lệ đùi, thịt đùi và tỷ lệ thịt đùi (P<0,05). Trùn quế có ảnh hưởng lên khối lượng gà lúc 14 tuần tuổi giữa các NT (P<0,05). Gà nuôi với khẩu phần ở NT ĐC có khối lượng cao nhất (1.299,40 g/gà) và thấp nhất là ở NT LUA (100% lúa) (966,00 g/gà) lúc 14 tuần tuổi. Khối lượng gà ở NT TQ25 tương đương so với NT ĐC theo phép thử Tukey. Đạt được kết quả này là nhờ trùn quế có hàm lượng đạm cao mang lại nhiều axít amin thiết yếu tốt cho gia cầm với hàm lượng đạm amin cao và hơn 50% acid amin hiện diện ở dạng tự do trong đó có chứa đầy đủ các acid amin thiết yếu nên có thể xem đây là nguồn đạm dễ tiêu hóa và hấp thu phù hợp với những đối tượng có hệ tiêu hóa chưa hoàn chỉnh như ấu trùng tôm, cá bột, gia súc non… Các acid amin tự do hiện diện nhiều nhất trong bột trùn quế thủy phân là leucine (11,36%), isoleucine (9,78%), glutamic acid (8,02%), valine (7,46%) và proline (7,38%). Xét về hàm lượng acid amin không thay thế, trùn quế *Perionyx excavatus* có hàm lượng methionine, phenylalanine, isoleucine, histidine và tryptophan cao hơn trùn *Lumbricus rubellus* đã thủy phân nhưng thấp hơn về hàm lượng lysine [4]. Kết quả nghiên cứu của Vũ Đình Tôn và *ctv.* (2010) [5] khi làm thí nghiệm bổ sung trùn vào khẩu phần ăn của gà Broiler cũng cho thấy tác dụng cải thiện đáng kể khả năng sinh trưởng của gà. Prayogi *et al.* (2011) [6] cũng ghi nhận kết quả tăng trưởng ở gà được cải thiện khi nuôi với trùn tươi và kết quả tương đương với thức ăn hỗn hợp có bột cá. Khối lượng móc lòng, tỷ lệ ức và tỷ lệ thịt ức; tỷ lệ đùi và tỷ lệ thịt đùi của gà thí nghiệm ở NT TQ25 và NT ĐC tương đương và cao nhất; cao hơn hẳn NT LÚA (P<0,05). Thành phần của nội quan như khối lượng tim, gan, mề và lòng không chịu tác động của trùn quế. Dài ruột và manh tràng của gà tương đương nhau giữa các nghiệm thức; vì trùn quế là loại thức ăn bổ sung protein nên có lẽ không ảnh hưởng lên sự phát triển của manh tràng. Với kết quả tăng khối lượng ức thì gà nuôi với khẩu phần TQ25 có dài

ức (10,38 cm) và sâu ức (9,95 cm) tốt nhất, tương đương với NT ĐC (dài ức (10,27 cm) và sâu ức (9,59 cm)). Với kết quả về tỷ lệ ức và thịt ức thì dài ức và sâu ức của gà nuôi với NT ĐC và NT TQ25 tương đương nhau và tốt hơn NT TQ20, TQ30 và NT LÚA.

Bảng 3. Ảnh hưởng của thức ăn thí nghiệm lên các chỉ tiêu thân thịt ở các nghiệm thức

Các chỉ tiêu thân thịt	ĐC	TQ20	TQ25	TQ30	LÚA	SEM	P
KL sống (g)	1.299,40^{a}	1.236,20^{b}	1.271,20^{ab}	1.166,20^{c}	966,00^{d}	29,77	<0,01
KL móc lòng (g)	931,50^{a}	832,43^{abc}	855,40^{ab}	719,40^{c}	766,32^{bc}	30,51	0,01
TL ức (%)	25,24^{ab}	25,45^{ab}	28,35^{a}	24,32^{ab}	21,67^{b}	0,95	0,06
TL thịt ức (%)	20,20^{ab}	20,40^{ab}	22,61^{a}	19,49^{ab}	17,74^{b}	0,78	0,08
TL đùi (%)	34,57^{ab}	37,74^{a}	38,26^{a}	32,08^{ab}	28,95^{b}	1,20	0,02
TL thịt đùi,(%)	25,73^{a}	25,84^{a}	25,89^{a}	24,08^{b}	23,11^{b}	0,16	<0,01
Kl lòng (g)	186,30	196,00	187,70	186,70	186,00	16,85	0,99
KL tim (g)	6,47	5,34	6,21	5,97	5,97	0,59	0,73
KL gan (g)	27,09	28,62	28,99	27,09	29,26	2,27	0,93
KL mề (g)	40,29	29,58	33,04	30,03	34,77	3,67	0,28
Góc ngực,độ	71,75	70,00	70,25	70,00	68,75	1,33	0,64
Dài ruột (cm)	154,50	164,75	155,50	149,25	153,63	8,38	0,76
Dài manh tràng (cm)	15,88	17,00	16,00	16,50	15,43	0,89	0,76
Sâu ức (cm)	9,59^{ab}	8,91^{ab}	9,95^{a}	9,35^{ab}	8,45^{b}	0,31	0,04
Dài ức (cm)	10,38^{a}	10,25^{a}	10,27^{a}	9,00^{b}	9,63^{ab}	0,25	0,01

Ghi chú: các giá trị trung bình trong cùng một hàng có các ký tự theo sau giống nhau thì khác biệt không có ý nghĩa thống kê (P<0,05) theo phép thử Tukey.

Kết quả từ thí nghiệm của Khan (2016) cho thấy trùn quế có thể thay thế bột cá trong khẩu phần của gia cầm và thuỷ sản với tỷ lệ thích hợp là 25-50%. Như vậy, trong thí nghiệm này, nghiệm thức TQ25 chiếm ưu thế; cho kết quả về tăng trưởng và các chỉ tiêu thân thịt đạt chất lượng tốt hơn hẳn NT LÚA. Nghiệm thức TQ25 được chọn để tính hiệu quả kinh tế cùng với các nghiệm thức khác.

3.2. Tỷ lệ nuôi sống

Do trùn quế trong khẩu phần có ảnh hưởng đến khối lượng sống của gà thí nghiệm, nên trùn quế cũng có tác động đến tỷ lệ nuôi sống gà ở các NT thí nghiệm

Bảng 4. Tỷ lệ sống ở gà các nghiệm thức thí nghiệm

NT	ĐC	TQ20	TQ25	TQ30	LUA
Tỷ lệ sống (%)	100	100	100	100	95

Kết quả ở bảng 4 cho thấy gà thí nghiệm có tỷ lệ nuôi sống ở NT ĐC, TQ20, TQ25 và TQ30 đều đạt 100%; ở NT LUA đạt 95%. Đặc biệt, gà ở 3 NT TQ20, TQ25 và TQ30 không mắc bệnh trong quá trình nuôi. Trong khi NT ĐC và NT LÚA gà có nhiễm bệnh CRD và cầu trùng. Điều này có thể lý giải, theo Popovic *et al.* (2005) [8] ghi nhận trùn có chứa glycolipoprotein (G-90) là hỗn hợp bao gồm hoạt chất kháng sinh chống *Staphylococcus* sp. cao hơn kháng sinh thương mại như là gentamycin và enrofloxacin, trùn còn chứa trên 8% axit glutamic, giúp cho vật nuôi khỏe, chóng lớn, đẻ khỏe, ít bệnh tật và cho thịt thơm ngon hơn hẳn so với vật nuôi thông thường. Trong nghiên cứu của Govindra *et al.* (2015) [9] cũng cho biết trùn quế có khả năng ức chế vi khuẩn gây bệnh như *Pseudomonas aeruginosa, Escherichia coli, Staphylococcus aureus* và ức chế được nấm gây bệnh trên gà là *Candida albicans và Aspergillus flavus, Aspergillus niger*. Như vậy, lúa và trùn quế là những thực liệu có thể tự gây tạo nuôi gà mang lại hiệu quả tốt, góp phần mở hướng đi mới cho chăn nuôi gà thả vườn ở vùng đồng bằng sông Cửu Long.

4. KẾT LUẬN

Gà ta Gò Công nuôi thả vườn với khẩu phần có bổ sung trùn quế tươi cho khối lượng và chỉ tiêu thân thịt tốt, đặc biệt về khả năng kháng bệnh. Như vậy, có thể áp dụng khẩu phần gồm 25% trùn quế và 75%

lúa để nuôi gà thả vườn, vừa giúp gà tăng trưởng tốt, vừa cải thiện tỷ lệ nuôi sống gà thí nghiệm, tận dụng được nguồn thức ăn tự tạo tại nông hộ là lúa và trùn quế. Đặc biệt trùn quế có thể được nhân lên, nuôi bằng nguồn nguyên liệu là rác thải sinh hoạt hữu cơ từ nhà bếp, giúp tận dụng và giảm thiểu đáng kể nguồn chất thải rác hữu cơ rất lớn ra môi trường, giảm được chi phí đầu tư; góp phần làm tăng hiệu quả kinh tế trong chăn nuôi quy mô nông hộ tại địa phương, rất thuận lợi cho hộ nghèo cải thiện cuộc sống.

LỜI CẢM ƠN

Nghiên cứu được tài trợ bởi Dự án Nâng cấp Trường Đại học Cần Thơ VN14-P6 bằng nguồn vốn vay ODA từ Chính phủ Nhật Bản

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bülent, K., Öztürk E., 2017. Evaluation of Worms as a Source of Protein in Poultry, *Selcuk Journal of Agriculture and Food Sciences,* 31, 2, 1-10.

2. Hasanuzzaman, A. F., Hossian S. Z., and Das M., 2010. Nutritional potentiality of earthworm (*Perionyx excavatus*) for substituting fishmeal used in local feed company in Bangladesh, *Mesopotamian Journal of Marine Science*, 25, 2, 134-139.

3. Vũ Đình Tôn, Hán Quang Hạnh, Nguyễn Đình Linh và Đặng Vũ Bình, 2009. Bổ sung giun quế (*Perionyx excavatus*) cho gà thịt (Hồ Lương Phượng) từ 4-10 tuần tuổi. *Tạp chí Khoa học và Phát triển*, 2, 7, 186-191.

4. Nakajima, N., Manabu S., and Kohji I., 2000. Stable earthworm serine proteases: Application of the protease function and usefulness of the earthworm autolysate, *Journal of Bioscience and Bioengineering*, 90, 2, 174-179.

5. Vũ Đình Tôn và Hán Quang Hạnh, 2010. Xác định mức sử dụng bột giun quế (*Perionyx excavatus)* trong khẩu phần ăn của gà Broiler (Hồ Lương Phượng) nuôi thả vườn. *Tạp chí Khoa học và Phát triển*, 6, 8, 949-958.

6. Prayogi, H. S., 2011. The Effect of Earthworm Meal Supplementation in the Diet on Quail's Growth Performance in Attempt to Replace the Usage of Fish Meal, *International Journal of Poultry Science*, 10, 10, 804-806.

7. Khan, S., Naz, S., Sultan A., Alhıdary L. A., and Abdelrahman, 2016. Worm meal: a potential source of alternative protein in poultry feed. *World's Poultry Science Journal*, 72, 1, 93-102.

8. Popovic, M., Grdisa, M., and Hrzenjak, T. M., 2005. Glycolipoprotein G-90 obtained from the earthworm Eisenia foetida exerts antibacterial activity, *Veterinary Archives,* 75, 2, 119-128.

9. Govindra, P. P., Abdullah A., Sirpaul J., and Diana S., 2015. Effect of Earthworm (*Perionyx excavatus*) Powder on Selected Bacteria and Fungi, *Journal of Advances in Biology & Biotechnology*, 1-15.

EFFECT OF RICE AND *Perionyx excavates* TO CARCASS TARGET OF GO CONG CHICKEN

Quach Thi Thanh Tam[1*], Vo Thi Ngoc Bich[1], Tran Duc Tuong[2], Bui Thi Minh Dieu[3]

[1]Department of Veterinary Medicine, Vinh Long University of Technology and Education

[2]Dong Thap University

[3]CanTho University

**Email: quachtamduy@gmail.com*

Summary

A study was conducted on ga ta Go Cong chicken from 5 to 14 weeks of age with 5 treatments: control treatment (ĐC) consists of 100% mixed feed and 3 treatments with rice and *Perionyx excavatus* with levels 20% (TQ20); 25% (TQ25); 30% (TQ30) and treatment with 100% rice (LUA). At 14 weeks, the heaviest weight was in the control (1,299.4 g/con) similar to TQ25 (1,271.2 g/con); and the lowest one was LUA treatment (966.0 g/con) (P<0.05). The carcass weight is good at TQ 20, TQ25, TQ 30, ĐC, the lowest one is on LUA treatment (P<0,05). The breast ratio, breast meat ratio, thigh ratio were best and equivalent in TQ20, TQ25, TQ30 and the control, the lowest one is LUA treatment. The thigh meat ratio of TQ25 (25.89%) was the best and lowest in LUA treatment (23.11%). The deep breast and long breast were the best in TQ25 (9.95 cm and 10.38 cm) and lowest in NT LUA (P<0.05). The inclusion of 25% *Perionyx excavatus* and 75% rice had the good influence on carcass yield.

Keywords: *Carcass target, carcass weight, Go Cong chicken, Perionyx excavatus.*

Người phản biện: PGS.TS. Nguyễn Văn Đức

Ngày nhận bài: 26/3/2021

Ngày thông qua phản biện: 27/4/2021

Ngày duyệt đăng: 4/5/2021